

**BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TIẾNG TRUNG NÂNG CAO 2**

**Số tín chỉ: 03
Trình độ đào tạo: Đại học
Ngành: Không chuyên**

Năm 2022

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Không chuyên

1. Tên học phần: Tiếng Trung nâng cao 2

2. Mã học phần: TTRUNG 019

3. Số tín chỉ: 3 (3,0)

4. Trình độ: Năm thứ 3 (kỳ II)

5. Phân bổ thời gian:

- Lên lớp: 45 tiết lý thuyết, 0 giờ thực hành

- Tự học: 90 giờ

6. Điều kiện tiên quyết: Sinh viên đã học xong học phần Tiếng Trung 4

7. Giảng viên:

STT	Học hàm, học vị, họ tên	Số điện thoại	Email
1	ThS. Nguyễn Thị Hoa	0988.900.815	Nguyenhoa11180@gmail.com
2	ThS. Nguyễn Thị Lan	0914.772.563	nguyenlan0708@gmail.com
3	ThS. Bùi Thị Trang	0978.693.593	trangbui175@gmail.com
4	ThS. Nguyễn Thị Xuyên	0988.964.751	ruanshichuan89@gmail.com

8. Mô tả nội dung của học phần:

Nội dung các bài cung cấp cho sinh viên các từ vựng bài khóa liên quan đến các chủ đề giao tiếp trong đời sống hàng ngày như: Đi tham quan, du lịch, học tập, thể thao, chụp ảnh, miêu tả người.....Kiến thức ngữ pháp được trình bày từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp: Câu bổ ngữ kết quả, trợ từ động thái “过”, bổ ngữ động lượng, biểu đạt số thứ tự, cấu trúc “一 就.”, “是 的”, lặp lại tính từ, vị ngữ chủ vị, câu bị động, lặp lại lượng từ, bổ ngữ xu hướng kép, trợ từ động thái “着”. Các bài tập trong học phần được thiết kế tập trung rèn luyện, củng cố các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tương ứng với nội dung từng bài.

9. Mục tiêu của học phần:

9.1 Mục tiêu

Mục tiêu học phần thỏa mãn mục tiêu của chương trình đào tạo được trình bày theo bảng sau:

Mục tiêu	Mô tả	Mức độ theo thang đo Bloom	Phân bổ mục tiêu học phần trong CTĐT
MT1	Kiến thức		
MT1.1	Liệt kê từ vựng liên quan đến các chủ đề trong đời sống hàng ngày như: Đi tham		

Mục tiêu	Mô tả	Mức độ theo thang đo Bloom	Phân bổ mục tiêu học phần trong CTĐT
	quan, du lịch, học tập, thể thao, chụp ảnh, miêu tả người....	1	[1.2.1.1b]
MT1.2	Sử dụng đúng các cấu trúc ngữ pháp: câu bỏ ngữ xu hướng, trợ từ động thái “了”、“过”、“着”, câu bị động, bỏ ngữ xu hướng kép...	2	[1.2.1.1b]
MT2	Kỹ năng		
MT2.1	Diễn đạt được các câu liên quan đến các chủ đề trong đời sống hàng ngày như đi tham quan, du lịch, học tập, thể thao, chụp ảnh, miêu tả người.... Nghe hiểu các đoạn hội thoại, đọc thoại về các chủ điểm giao tiếp trong chương trình được học.	3	[1.2.2.2] [1.2.2.4]
MT2.2	Đọc hiểu được các đoạn văn 350– 450 chữ về các chủ điểm giao tiếp trong chương trình. Viết được các đoạn văn ngắn giới thiệu về chuyến tham quan, du lịch, học tập, thể thao, chụp ảnh, miêu tả người....có sử dụng những cấu trúc ngữ pháp đã được học.	3	[1.2.2.2] [1.2.2.4]
MT3	Mức tự chủ và trách nhiệm		
MT3.1	Sử dụng đúng các kiến thức đã học trong các tình huống giao tiếp thực tế trong đời sống xã hội và trong công việc tương lai.	4	[1.2.3.1]
MT3.2	Sinh viên có năng lực: làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, giao tiếp và thuyết trình giải thích vấn đề trong nhóm cũng như trước lớp.	4	[1.2.3.1]

9.2. Chuẩn đầu ra cho học phần

CDR học phần	Mô tả	Thang đo Bloom	Phân bổ CDR học phần trong CTĐT
CDR1	Kiến thức		
CDR1.1	Người học nhớ được 600 từ vựng liên quan đến các chủ đề trong đời sống hàng ngày như: Học tập, thi cử,	1	[2.1.3]

CDR học phần	Mô tả	Thang đo Bloom	Phân bố CDR học phần trong CTĐT
	sở thích về âm nhạc, thời tiết...		
CDR1.2	Sử dụng được các cấu trúc ngữ pháp và từ vựng đã học trong học phần để đặt câu.	2	[2.1.3]
CDR2	Kỹ năng		
CDR2.1	Đọc hiểu được các đoạn văn khoảng 400 chữ về các chủ điểm giao tiếp trong chương trình.	3	[2.2.8]
CDR2.2	Vận dụng giao tiếp bằng tiếng Trung ở mức cơ bản trong cuộc sống hàng ngày, học tập và nghề nghiệp của mình. Có thể giao tiếp bằng tiếng Hoa khi đi du lịch ở Trung Quốc.	3	[2.2.8]
CDR3	Mức tự chủ và trách nhiệm		
CDR3.1	Có năng lực làm việc độc lập, làm việc theo nhóm.	4	[2.3.1]
CDR3.2	Có khả năng giao tiếp, thuyết trình và giải thích vấn đề trong nhóm cũng như trước lớp.	4	[2.3.1]
CDR3.3	Có thái độ tích cực trong học tập và chịu trách nhiệm với các nhiệm vụ được phân công.	4	[2.3.1]

10. Ma trận liên kết nội dung với chuẩn đầu ra học phần:

TT	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần						
		CDR1		CDR2		CDR3		
		CDR 1.1	CDR 1.2	CDR 2.1	CDR 2.2	CDR 3.1	CDR 3.2	CDR 3.3
1	第四课：快上来吧，要开车了	4	4	3	3	4	4	4
2	第五课：我听过钢琴节奏曲《黄河》	4	4	3	3	4	4	4
3	第六课：我是跟旅游团一起来的	4	4	3	3	4	4	4
4	第七课：我的护照你找到了没有	4	4	3	3	4	4	4
5	第八课：我的眼镜摔坏了	4	4	3	3	4	4	4
6	第九课：要是忘拔下来了	4	4	3	3	4	4	4
7	第十：会议厅的门开着呢	4	4	3	3	4	4	4

11. Đánh giá học phần

11.1. Ma trận phương pháp kiểm tra đánh giá với chuẩn đầu ra học phần

STT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Phương pháp kiểm tra đánh giá (Hình thức, thời gian, thời điểm)	CDR của học phần			Ghi chú
					CDR1	CDR2	CDR3	
1	Điểm thường xuyên	1 điểm	20%	Bài tập cá nhân, thực hành hội thoại, làm việc nhóm trên lớp	CDR1.1, CDR1.3.	CDR2.1, CDR2.2.	CDR3.1, CDR3.2.	Điểm trung bình của các lần đánh giá
2	Kiểm tra giữa học phần	1 điểm	30%	Trắc nghiệm kết hợp	CDR1.2.	CDR2.1, CDR2.2.	CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3.	
3	Thi kết thúc học phần	1 điểm	50%	Trắc nghiệm kết hợp	CDR1.2.	CDR2.3.	CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3.	

11.2. Cách tính điểm học phần:

Điểm học phần là trung bình cộng các điểm thành phần đã nhân trọng số. Tính theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân. Sau đó chuyển thành thang điểm chữ và thang điểm điểm 4.

12. Yêu cầu học phần

- Tham gia tối thiểu 80% số giờ học trên lớp.
- Đọc và hoàn thành các bài tập tài liệu bắt buộc và tài liệu tham khảo theo hướng dẫn của giảng viên.
- Tham gia kiểm tra giữa học phần, thi kết thúc học phần.
- Dụng cụ học tập: Điện thoại smart phone, vở ghi, bút,...

13. Tài liệu phục vụ học phần

- Tài liệu chính:

[1] Trần Thị Thanh Liêm biên dịch (2020), *Giáo trình Hán ngữ 3*, Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học quốc gia Hà Nội.

- Tài liệu tham khảo:

[2] Trương Văn Giới Lê Khắc Kiều Lục biên dịch (2010), *汉语会话 301 句*, Nhà xuất bản Khoa học Xã Hội,

[3] Khương Lê Bình (2019) *Giáo trình HSK3*, NXB Đại học ngôn ngữ Bắc Kinh

14. Nội dung chi tiết học phần

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy-học	CĐR học phần
1	<p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Liệt kê các từ vựng trong bài - Đọc hiểu bài khóa và đặt câu với các từ vựng trong bài. - Trình bày cách dùng và sử dụng thành thạo bổ ngữ xu hướng - Vận dụng kiến thức ngữ pháp làm các bài tập. <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>第四课：快上来吧，要开车了</p> <p>Bài 4: Lên nhanh đi, xe sắp chạy rồi</p> <p>一、课文</p> <p>二、生词</p> <p>三、注释</p> <p>四、语法：趋向补语</p> <p>五、练习</p>	4 (4LT, 0TH)	<p>Thuyết trình, vấn đáp, hội thoại, công nã.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giảng viên: <ul style="list-style-type: none"> + Hướng dẫn sinh viên cách sử dụng từ vựng và cấu trúc ngữ pháp. + Đặt câu hỏi theo nội dung bài khóa. + Nhận xét, đánh giá. - Sinh viên: <ul style="list-style-type: none"> + Đọc trước tài liệu: <ul style="list-style-type: none"> [1]: Trang 54- 66. [2]: Trang 156-162 [3]: Trang 11-15. + Lắng nghe, quan sát, luyện phát âm, ghi chép, trả lời câu hỏi. + Bài tập trang 67-68 Tài liệu [1] 	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR3.1, CĐR3.2 CĐR3.3.
2	<p>Mục tiêu bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Liệt kê các từ vựng trong bài - Đọc hiểu bài khóa và đặt câu với các từ vựng trong bài. - Trình bày cách dùng và sử dụng thành thạo cấu trúc câu so sánh bằng, so sánh giống nhau bổ ngữ kết quả (到、成、上...). - Vận dụng kiến thức ngữ pháp làm các bài tập <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>第五课：我听过钢琴节奏曲《黄河》</p> <p>Bài 5: Tôi đã từng nghe bản hòa nhạc “Hoàng Hà”</p>	4 (4LT, 0TH)	<p>Thuyết trình, vấn đáp, hội thoại, công nã.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giảng viên: <ul style="list-style-type: none"> + Hướng dẫn sinh viên cách sử dụng từ vựng và cấu trúc ngữ pháp. + Đặt câu hỏi theo nội dung bài khóa. + Nhận xét, đánh giá. - Sinh viên: <ul style="list-style-type: none"> + Đọc trước tài liệu: <ul style="list-style-type: none"> [1]: Trang 70- 76. [2]: Trang 203-205, 215,216. [3]: Trang 1-3. + Lắng nghe, quan sát, luyện 	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR3.1, CĐR3.2 CĐR3.3.

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy-học	CĐR học phần
	一、课文 二、生词 三、注释 四、语法： Câu bỏ ngữ kết quả 五、练习		phát âm, ghi chép, trả lời câu hỏi. + Bài tập trang 85, 86 Tài liệu [1]	
3	Mục tiêu bài: - Liệt kê các từ vựng trong bài - Đọc hiểu bài khóa và đặt câu với các từ vựng trong bài. - Trình bày cách dùng và sử dụng thành thạo cấu trúc “是... 的”, “一 ... 就” và tính từ lặp lại - Vận dụng kiến thức ngữ pháp làm các bài tập Nội dung cụ thể: 第六课：我是跟旅游团一起来的 Bài 6: Tôi đã đến cùng với đoàn du lịch 一、课文 二、生词 三、注释 四、语法:: “是... 的”, “一 ... 就” và tính từ lặp lại 五、练习	4 (4LT, 0TH)	Thuyết trình, vấn đáp, hội thoại, công não. - Giảng viên: + Hướng dẫn sinh viên cách sử dụng từ vựng và cấu trúc ngữ pháp. + Đặt câu hỏi theo nội dung bài khóa. + Nhận xét, đánh giá. - Sinh viên: + Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 88- 101. [2]: Trang 163-168. [3]: Trang 25-29. + Lắng nghe, quan sát, luyện phát âm, ghi chép, trả lời câu hỏi. + Bài tập trang 102, 103 Tài liệu [1]	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR3.1, CĐR3.2 CĐR3.3.
4	Mục tiêu bài: - Liệt kê các từ vựng trong bài - Đọc hiểu bài khóa và đặt câu với các từ vựng trong bài. - Trình bày cách dùng và sử dụng thành thạo trúc câu vị ngữ chủ vị.	6 (4LT, 0TH, 2KT)	Thuyết trình, vấn đáp, hội thoại, công não. - Giảng viên: + Hướng dẫn sinh viên cách sử dụng từ vựng và cấu trúc ngữ pháp. + Đặt câu hỏi theo nội dung bài	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR3.1, CĐR3.2 CĐR3.3..

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy-học	CĐR học phần
	<p>- Vận dụng kiến thức ngữ pháp làm các bài tập</p> <p>Nội dung cụ thể: 第七课：我的护照你找到了没有 Bài 7: Anh đã tìm thấy hộ chiếu chưa?</p> <p>一、课文 二、生词 三、注释 四、语法:: 主谓谓语句 五、练习</p> <p>* Kiểm tra giữa học phần</p>		<p>khóa. + Nhận xét, đánh giá.</p> <p>- Sinh viên: + Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 105 - 112. [3]: Trang 117-122.</p> <p>+ Lắng nghe, quan sát, luyện phát âm, ghi chép, trả lời câu hỏi. + Hoàn thành bài tập trang 116-117 tài liệu [1] + Thực hiện bài kiểm tra.</p>	
5	<p>Mục tiêu bài:</p> <p>- Liệt kê các từ vựng trong bài - Đọc hiểu bài khóa và đặt câu với các từ vựng trong bài. - Trình bày cách dùng và sử dụng thành thạo câu câu bị động - Vận dụng kiến thức ngữ pháp làm các bài tập</p> <p>Nội dung cụ thể: 第八课：我的眼镜摔坏了 Bài 8: Mắt kính của tôi rơi hỏng rồi</p> <p>一、课文 二、生词 三、注释 四、语法: （一）被动句 （二）量词重叠 （三）一年比一年</p> <p>五、练习</p>	4 (4LT, 0TH)	<p>Thuyết trình, vấn đáp, hội thoại, công não.</p> <p>- Giảng viên: + Hướng dẫn sinh viên cách sử dụng từ vựng và cấu trúc ngữ pháp. + Đặt câu hỏi theo nội dung bài khóa. + Nhận xét, đánh giá.</p> <p>- Sinh viên: + Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 119- 124. [3]: Trang 168-170. + Lắng nghe, quan sát, luyện phát âm, ghi chép, trả lời câu hỏi. + Bài tập trang 129-130 Tài liệu [1]</p>	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR3.1, CĐR3.2 CĐR3.3..

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy-học	CĐR học phần
6	<p>Mục tiêu bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Liệt kê các từ vựng trong bài - Đọc hiểu bài khóa và đặt câu với các từ vựng trong bài. - Trình bày cách dùng và sử dụng thành thạo câu câu bổ ngữ xu hướng phức - Vận dụng kiến thức ngữ pháp làm các bài tập <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>第九课：钥匙忘拔下来了</p> <p>Bài 9: Chìa khóa quên rút ra rồi</p> <ul style="list-style-type: none"> 一、课文 二、生词 三、注释 四、语法:: 符合趋向补语 五、练习 	4 (4LT, 0TH)	<p>Thuyết trình, vấn đáp, hội thoại, công nã.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giảng viên: + Hướng dẫn sinh viên cách sử dụng từ vựng và cấu trúc ngữ pháp. + Đặt câu hỏi theo nội dung bài khóa. + Nhận xét, đánh giá. - Sinh viên: + Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 133- 145. [2]: Trang 208 -210, 273-275. [3]: Trang 107-115. + Lắng nghe, quan sát, luyện phát âm, ghi chép, trả lời câu hỏi. + Bài tập trang 146.147 Tài liệu [1] 	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR3.1, CĐR3.2 CĐR3.3.
7	<p>Mục tiêu bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Liệt kê các từ vựng trong bài - Đọc hiểu bài khóa và đặt câu với các từ vựng trong bài. - Trình bày cách dùng và sử dụng thành thạo câu trợ từ động thái “着”. - Vận dụng kiến thức ngữ pháp làm các bài tập <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>第十课：会议厅的门开着呢</p> <p>Bài 10: Cửa phòng hội nghị đang mở</p> <ul style="list-style-type: none"> 一、课文 二、生词 三、注释 	4 (4LT, 0TH)	<p>Thuyết trình, vấn đáp, hội thoại, công nã.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giảng viên: + Hướng dẫn sinh viên cách sử dụng từ vựng và cấu trúc ngữ pháp. + Đặt câu hỏi theo nội dung bài khóa. + Nhận xét, đánh giá. - Sinh viên: + Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 149- 158. [2]: Trang 230-241. [3]: Trang 21-29. + Lắng nghe, quan sát, luyện phát âm, ghi chép, trả lời câu hỏi. 	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR3.1, CĐR3.2 CĐR3.3.

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy-học	CĐR học phần
	四、语法:: 动态助词 “着” 五、练习		+ Bài tập trang 158,159 Tài liệu [1]	

Hải Dương, ngày 09 tháng 8 năm 2022

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN



TS. Nguyễn Thị Kim Nguyên

Nguyễn Đăng Tiến

Nguyễn Thị Hoa